

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu

* Nâng cấp đường quản lý tuyến kênh với tổng chiều dài là 5,75 km. Trong đó: tuyến kênh chính có chiều dài là 3,38 km; tuyến kênh chính nhánh có chiều dài là 2,37 km, với quy mô cụ thể:

- Bề rộng nền: $B_{\text{nền}} = 5,0 \text{ m};$
- Bề rộng mặt: $B_{\text{mặt}} = 3,5 \text{ m};$
- Lề đường: $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75 = 1,5 \text{ m};$
- Hệ số mái taluy nền đào: $m = 1,0 (1:1,0);$
- Hệ số mái taluy nền đắp: $m = 1,25 (1:1,25);$
- Độ dốc ngang mặt đường: $i = +2,0\%.$
- Độ dốc ngang lề đường: $i = +4,0\%.$

* Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau:

- Bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 16cm;
- Lót 1 lớp giấy dầu để tạo phẳng và đảm bảo tấm bê tông dịch chuyển khi nhiệt độ thay đổi;
- Cấp phối đá dăm loại I, dày 15 cm, độ chặt $K \geq 0,95;$
- Nền đường quản lý hiện trạng $K \geq 0,90.$

* Kết cấu lề đường gia cố:

- Bê tông xi măng đá 1x2 M150 dày 10 cm;
- Nilon lót chống mất nước xi măng;
- Nền đường quản lý hiện trạng $K \geq 0,90.$

* Rãnh dọc

- Hình dạng và kích thước rãnh: Rãnh hình thang $B = 0,4 \text{ m}, H = 0,4 \text{ m},$ mái taluy $m = 1,0;$

- Kết cấu rãnh: Bê tông xi măng M200 đá 1x2, dày 10 cm, phía dưới là lớp nilon lót;

- Mối nối co giãn: Theo chiều dọc cứ 5 m bố trí 01 khe co giãn bằng giấy dầu nhựa đường;

* Gia cố mái taluy:

- Mái taluy phía phải đường: gia cố toàn bộ mái taluy phần đắp bằng kết cấu bê tông cốt thép M 200, phía dưới có chân khay.

- Mái taluy phía trái kênh: Đối với chiều cao $H_{\text{đắp}} \geq 0,7$ m, gia cố bằng kết cấu bê tông cốt thép M200, phía dưới có chân khay.

- Mối nối co giãn: Theo chiều dọc cứ 5 m bố trí 01 khe co giãn bằng giấy dầu nhựa đường;

* Cọc tiêu:

- Vị trí bố trí cọc tiêu: Dọc theo lề đường tại các vị trí đường cong, taluy đắp cao hơn 4 m, cống tiêu, hai đầu cầu máng;

- Khoảng cách cọc tiêu:

+ Khoảng cách cọc tiêu vị trí đường cong

Bán kính đường cong nằm	Khoảng cách giữa các cọc tiêu	
	Theo tiêu chuẩn	Lựa chọn
Trên đường thẳng	10	10
>100	$8 \div 10$	10
Từ > 30 đến 100	$4 \div 6$	5
Từ > 15 đến 30	$2 \div 3$	3

+ Khoảng cách cọc tiêu vị trí cống tiêu: bố trí 3m/cọc.

- Cấu tạo cọc tiêu: Bê tông cốt thép đúc sẵn M200, kích thước mặt cắt 12×12 cm. Móng chôn sâu 30 cm, chiều cao cọc tiêu 1,025m (kể cả phần chôn).

2. Thời hạn hoàn thành: 90 ngày, tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình.

3. Thuế VAT

Thuế VAT sử dụng cho gói thầu là 8%

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

90 ngày, tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật HSDT phục vụ đánh giá về kỹ thuật tại Mục 3 Chương III của HSMT phải được lập trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án/gói thầu nêu tại Chương V của HSMT và tuân thủ quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng hiện hành. Trường hợp HSDT có đề xuất về kỹ thuật không đúng quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật, không tuân thủ Luật Xây dựng, văn bản khác về quản lý chất lượng công trình xây dựng hiện hành thì Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu sự bất lợi khi đánh giá HSDT.

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);
4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;
5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn (nếu có);
6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ;
7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;
8. Yêu cầu về an toàn lao động;
9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;
10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;
11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm tập bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt.